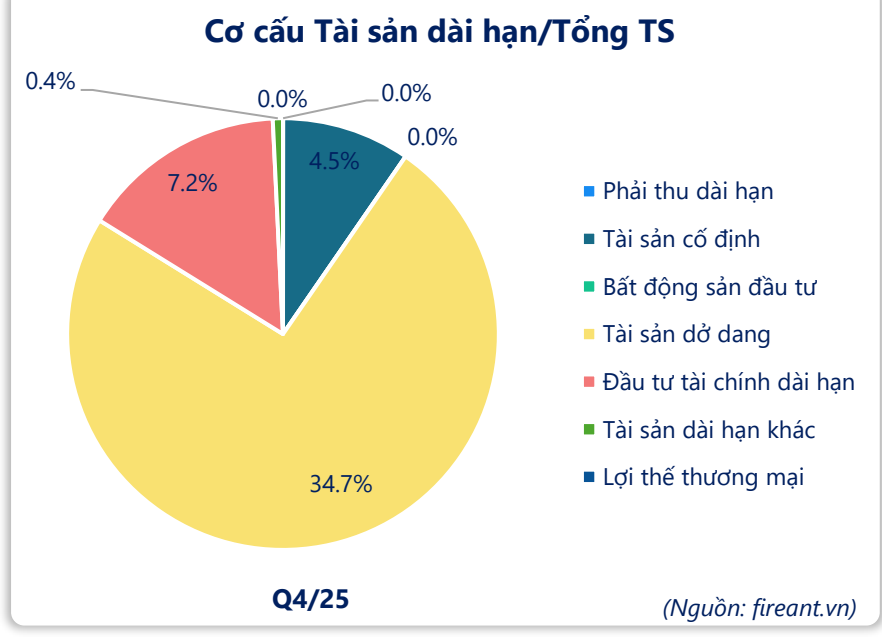
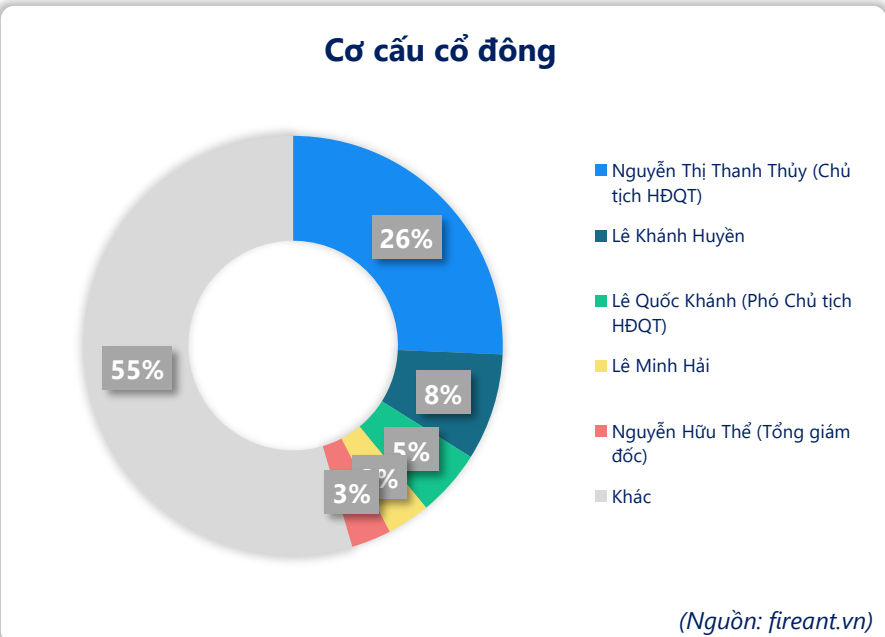
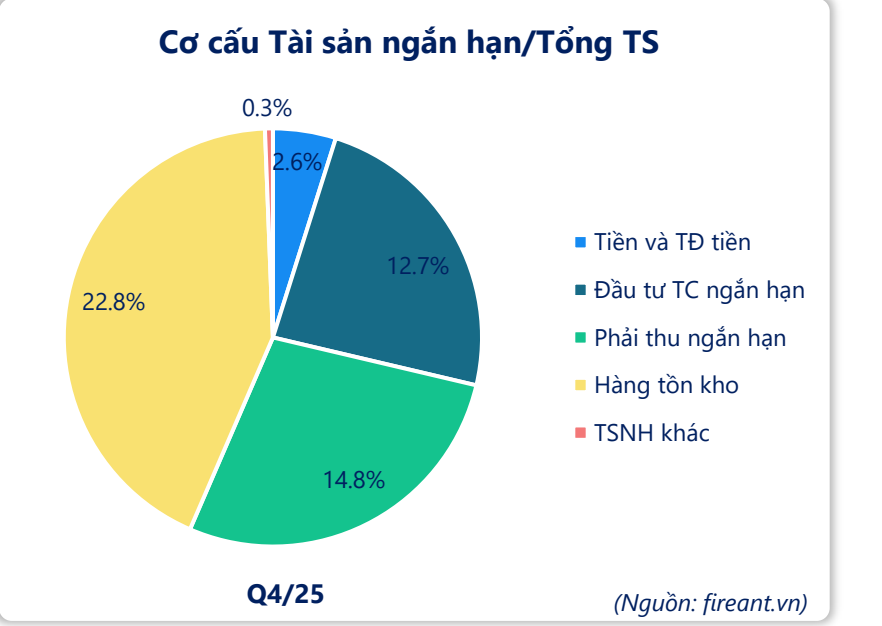
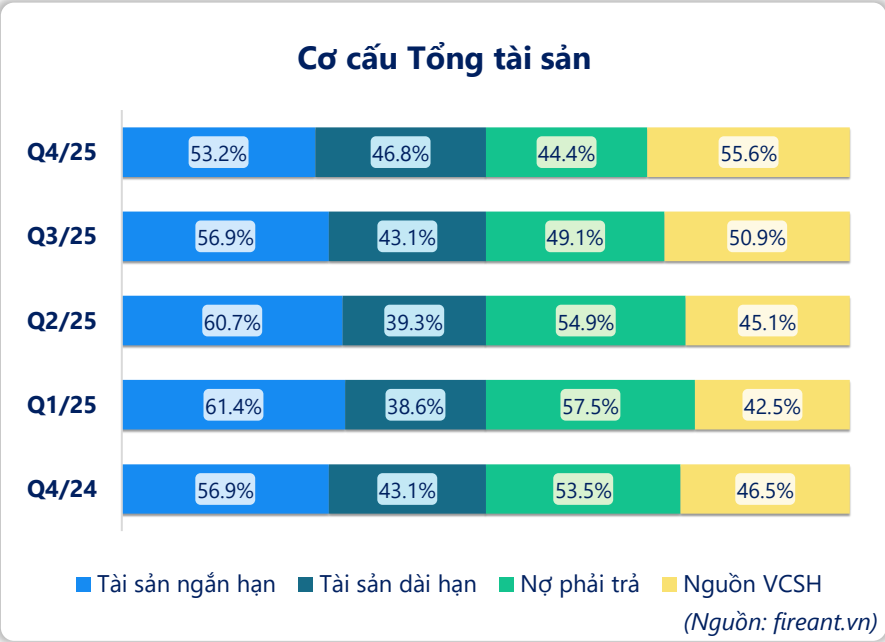
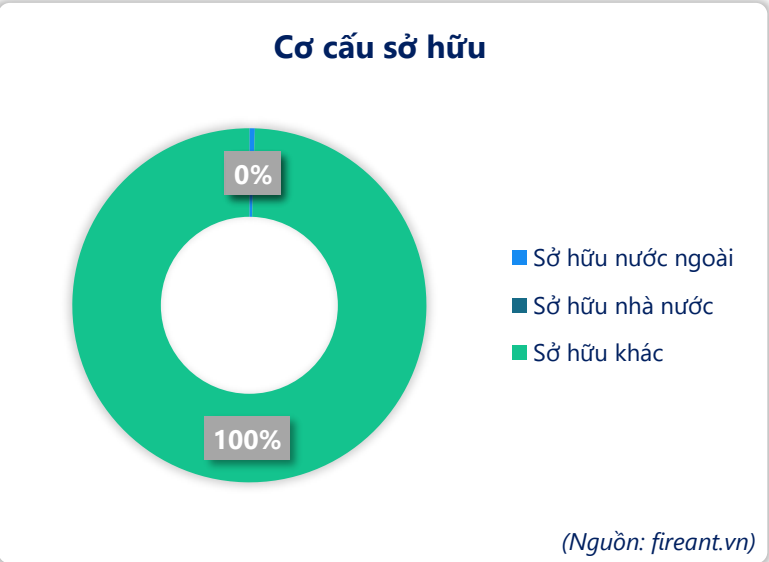
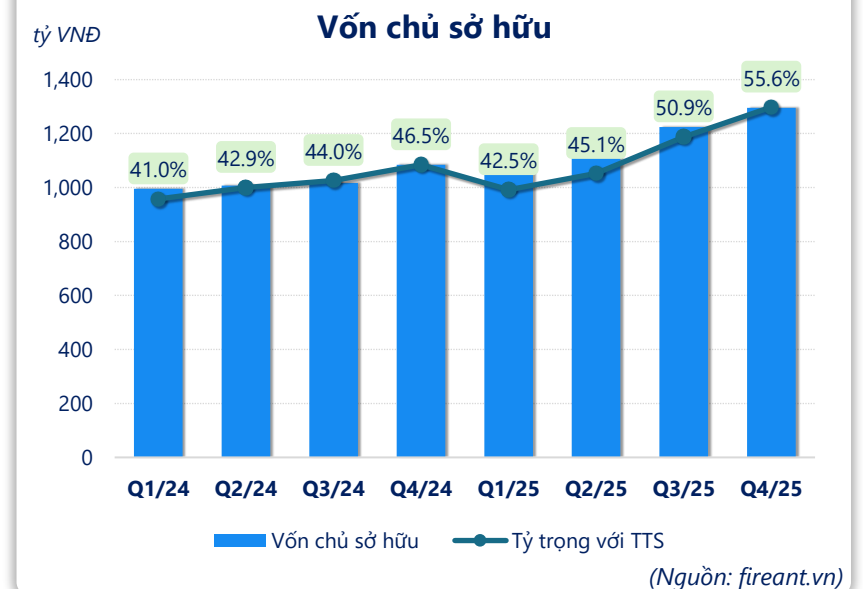
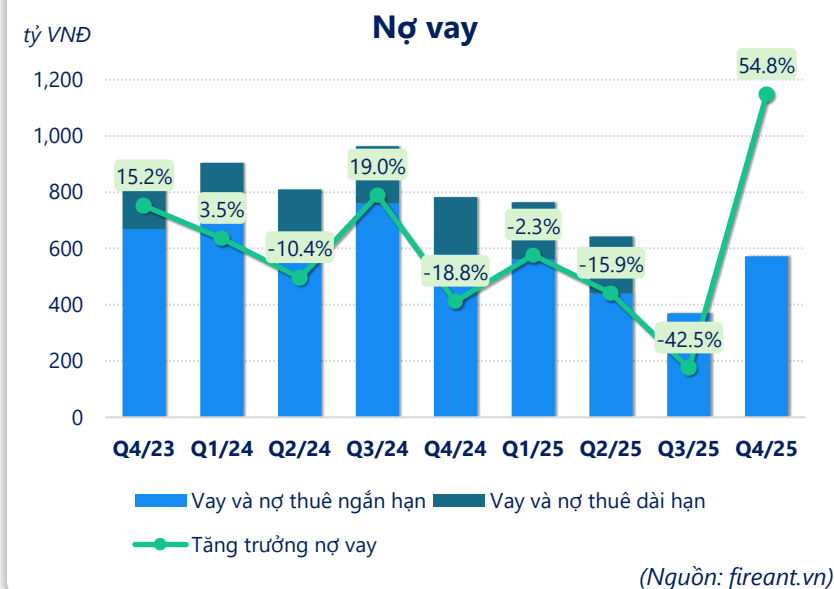
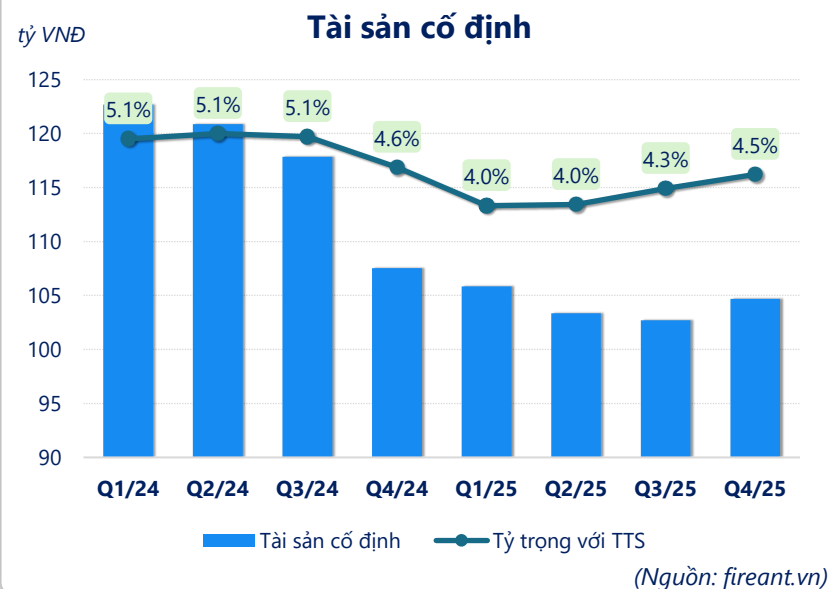
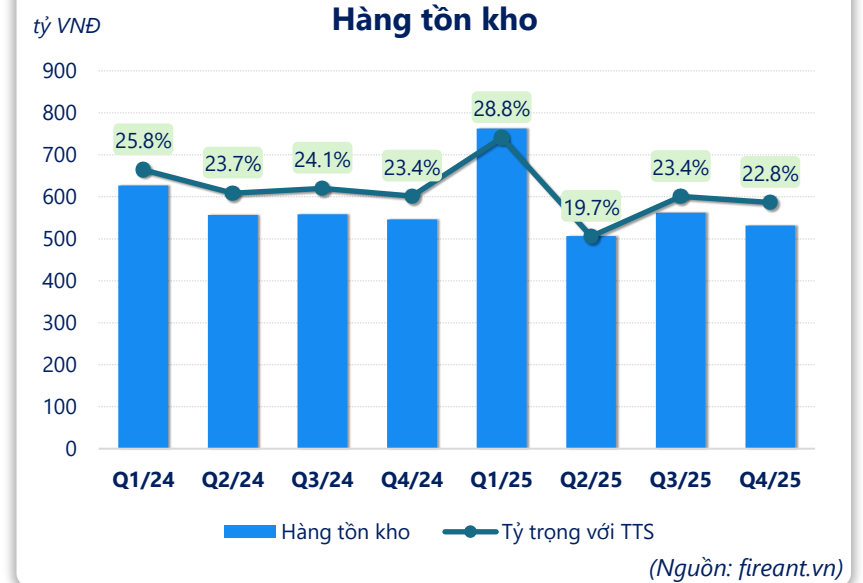
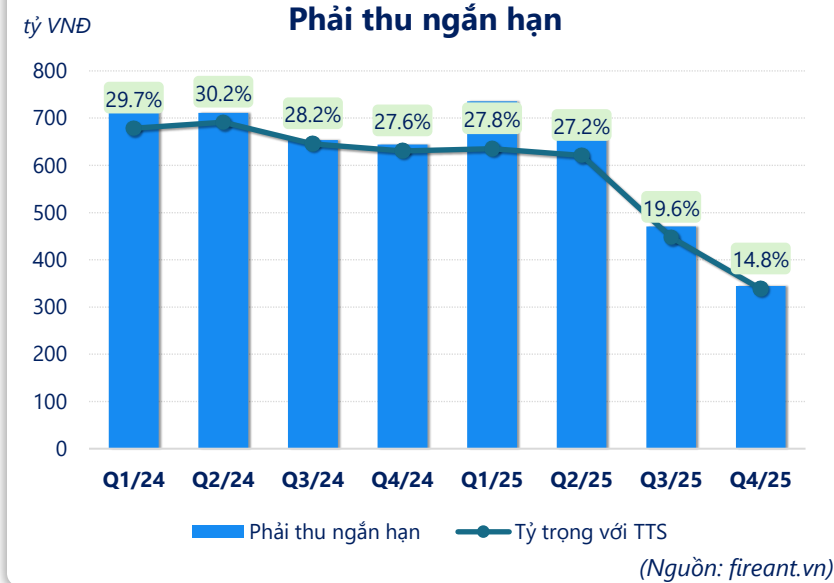
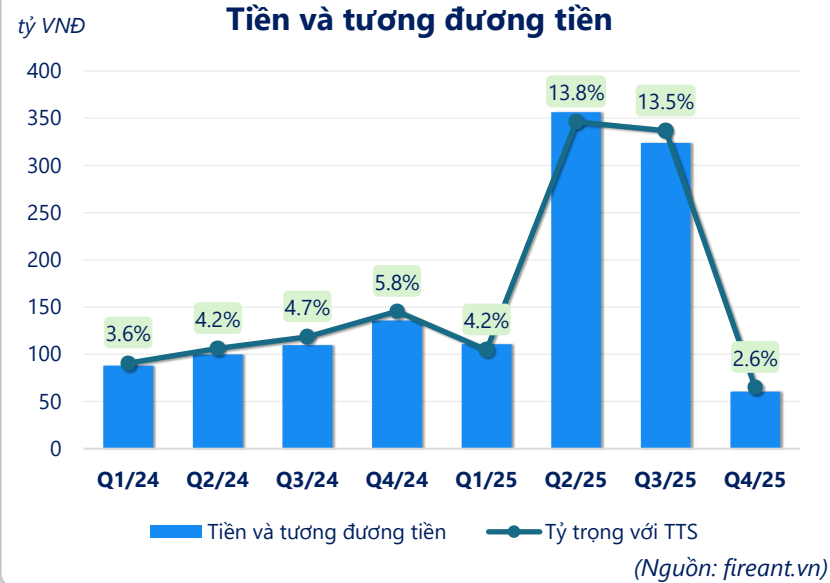
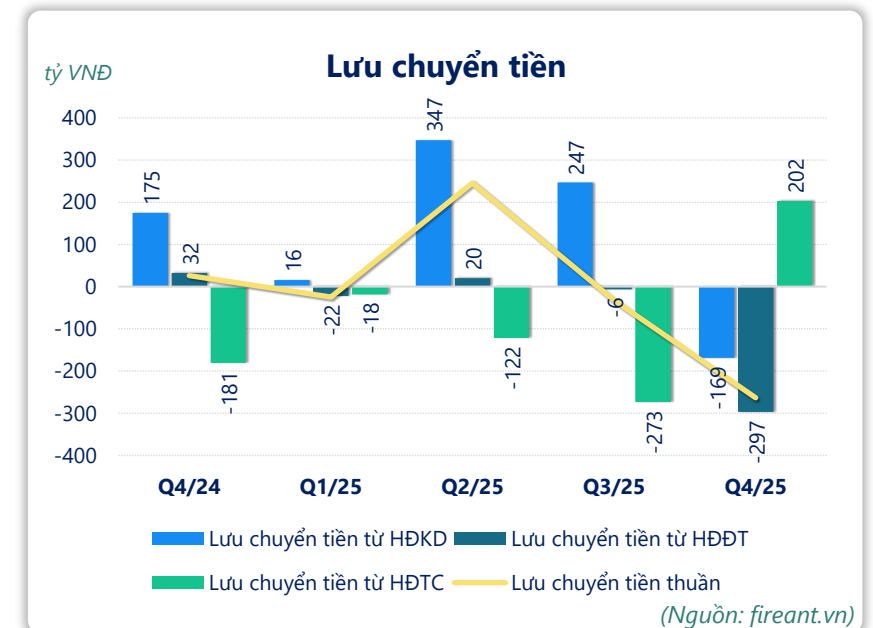
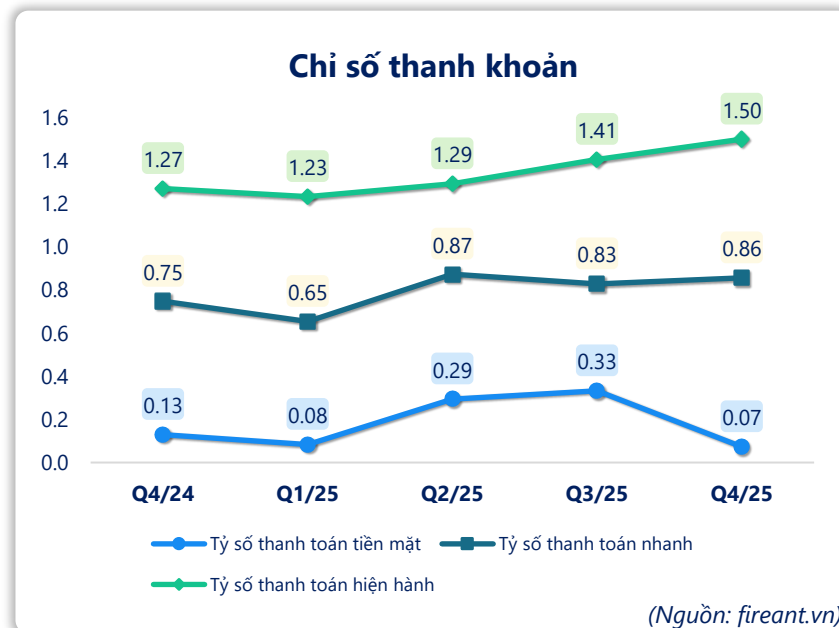
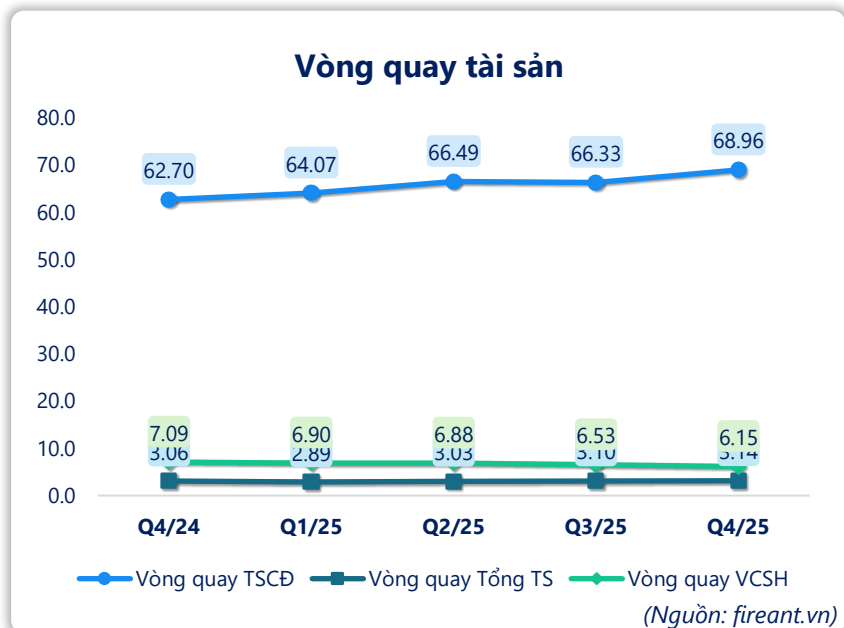
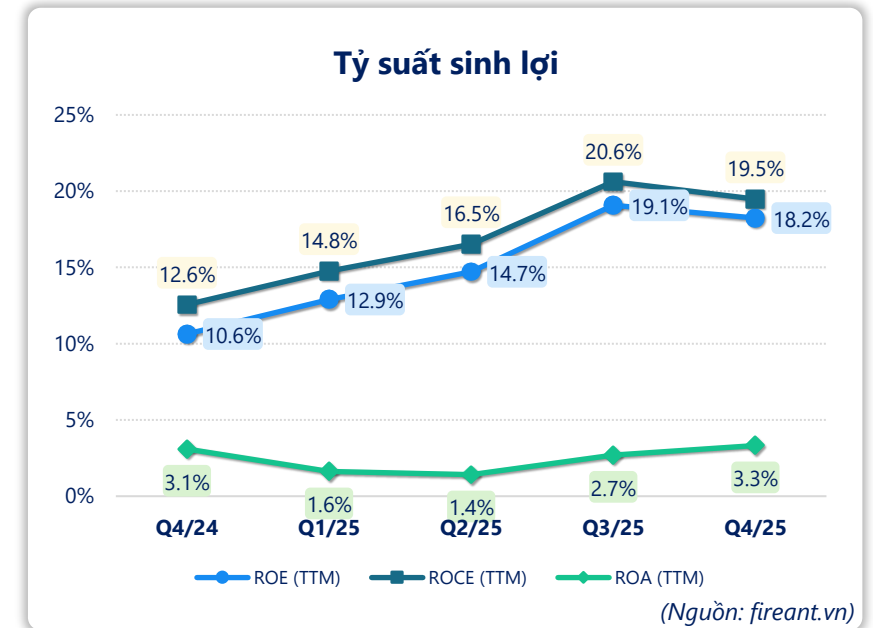
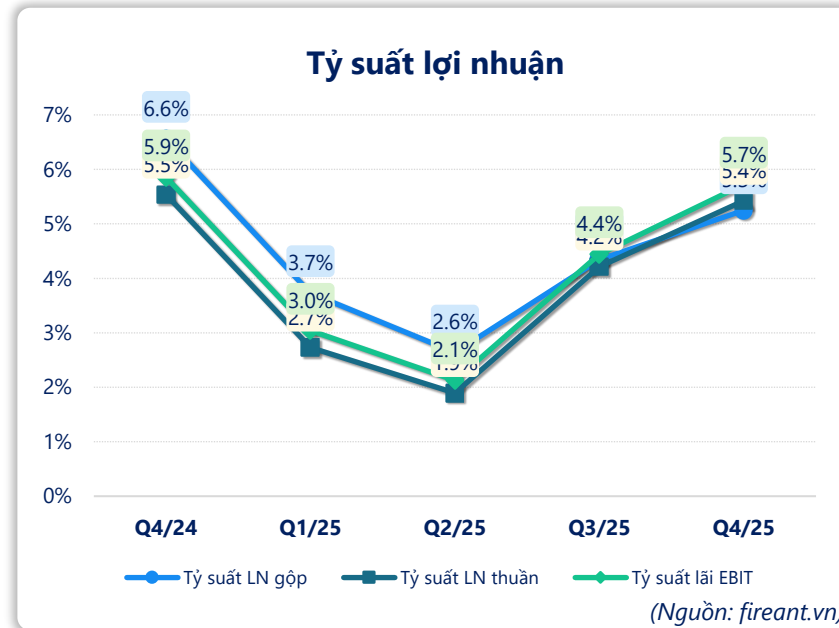
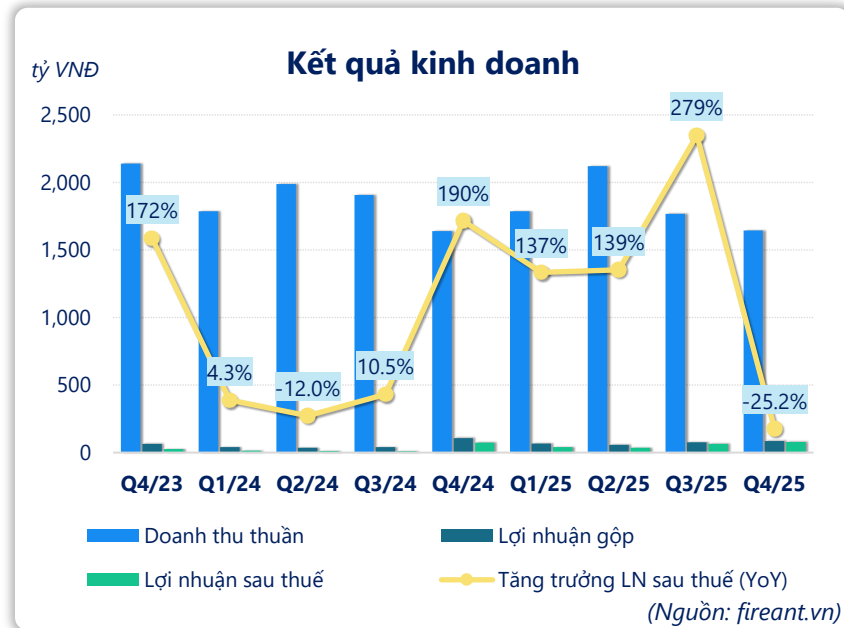


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,513
SL cổ phiếu LH		61,524,155
KLGD BQ 20 phiên (CP)		375,565
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,593
P/E		7.3
EPS		3,527

	YTD	1T	3T	6T
VGS	-7.9%	-9.1%	-15.4%	-6.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,329	2,334	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	1,239	1,327	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	60.3	136	-55.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	295	0	
Phải thu ngắn hạn	345	644	-46.5%
Hàng tồn kho	531	546	-2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.56	1.10	590%
Tài sản dài hạn	1,090	1,007	8.3%
Phải thu dài hạn	0.19	0.19	0.0%
Tài sản cố định	105	108	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	809	764	6.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	168	125	35.0%
Tài sản dài hạn khác	8.28	11.2	-26.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,034	1,250	-17.3%
Nợ ngắn hạn	826	1,044	-20.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	572	581	-1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	129	393	-67.2%
Nợ dài hạn	208	206	1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	202	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,296	1,085	19.5%
Vốn chủ sở hữu	1,296	1,085	19.5%
Vốn điều lệ	615	559	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,640	1,787	2,120	1,767	1,644
Giá vốn hàng bán	1,532	1,720	2,064	1,690	1,558
Lợi nhuận gộp	108	66.6	56.0	76.7	86.3
Doanh thu HĐTC	0.88	1.04	27.9	2.90	3.52
Chi phí TC	5.43	5.58	4.48	3.55	4.37
Chi phí lãi vay	5.42	5.44	4.60	3.53	4.37
LN trong công ty LKLD	9.59	9.69	-14.2	19.3	28.7
Chi phí bán hàng	15.0	17.7	17.5	15.1	11.5
Chi phí QLDN	6.82	5.38	7.51	5.78	13.5
LN thuần từ HĐKD	90.8	48.8	40.2	74.5	89.2
Lợi nhuận khác	-0.20	0.09	0.30	0.52	0.56
LN trước thuế	90.6	48.9	40.5	75.0	89.7
Lợi nhuận sau thuế	74.2	41.0	34.9	63.8	77.5
LNST của CĐ cty mẹ	74.2	41.0	34.8	63.8	77.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	175	15.5	347	247	-169
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.1	-22.2	20.0	-6.31	-297
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-181	-18.3	-122	-273	202
Tiền đầu kỳ	110	136	111	356	324
Lưu chuyển tiền thuần	26.2	-25.0	245	-32.6	-263
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	136	111	356	324	60.3

(Nguồn: fireant.vn)